

Bản án số: **01/2017/KDTM-ST**

Ngày: 03/4/2017.

*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa và dịch vụ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn, bà Lê Thị Phương Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2016/TLST-KDTM ngày 19/12/2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-KDTM ngày 17/3/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị Bích H- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương T- Nhân viên (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Đắc H và ông Nguyễn Văn K- Luật sư của công ty Luật TNHH D.

2. Bị đơn: Công ty TNHH P.

Địa chỉ trụ sở: Thôn T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Jae I- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Jong G- Giám đốc (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2017).

Người phiên dịch: Ông Hoàng Quyết T- Nhân viên.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Dương T, ông Kim Jong G, ông Nguyễn Văn K, ông Hà Đắc H, ông Hoàng Quyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2016, đơn đề nghị về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/02/2017, các bản khai, đại diện công ty TNHH H trình bày: Trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, ngày 01/7/2015, công ty TNHH H (sau đây viết tắt là công ty H) và công ty TNHH P (sau đây viết tắt là công ty P) ký kết hợp đồng kinh tế số HC-5114-PRC-150701 với các nội dung chủ yếu như sau: Công ty H có nghĩa vụ cung cấp và lắp đặt máy nén khí, thi công đường ống, thi công đường điện cho công ty P trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty P có nghĩa vụ thanh toán tổng giá trị hợp đồng là 2.428.800.000đ làm 3 lần: Lần 1, thanh toán 500.000.000đ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; Lần 2, thanh toán 500.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày thanh toán lần 1; Lần 3, thanh toán giá trị còn lại trong vòng 07 ngày sau khi hoàn thành công việc, nhận hóa đơn tài chính hợp lệ.

Công ty H đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng trước thời hạn. Ngày 27/7/2015, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu, quyết toán khối lượng hoàn thành và thanh lý hợp đồng; công ty H đã xuất hóa đơn tài chính cho công ty P. Công ty P đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 1 vào ngày 14/7/2015, thanh toán lần 2 vào ngày 20/7/2015 với tổng số tiền thanh toán là 1.000.000.000đ và chưa thực hiện thanh toán lần 3 với phần giá trị hợp đồng còn lại là 1.428.800.000đ. Công ty H đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu công ty P thanh toán dứt điểm số tiền còn lại nhưng không có kết quả.

Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty P phải thanh toán cho công ty H các khoản gồm:

- Số tiền gốc chưa thanh toán: 1.428.800.000đ.
- Số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 08/12/2016 là 264.149.400đ.

Công ty P phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả nợ xong với mức lãi suất 13.5%/năm. Trường hợp công ty P không chấp nhận mức lãi suất 13.5%/năm, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Tại công văn số 01/2017 ngày 13/01/2017, đại diện công ty P trình bày: Ngày 01/7/2015, công ty P và công ty H ký hợp đồng kinh tế số HC-5114-PRC-150701 để công ty H cung cấp và lắp đặt máy nén khí, thi công đường ống, thi công đường điện cho công ty P với tổng giá trị hợp đồng là 2.428.800.000đ như đại diện công ty H đã trình bày. Ngày 27/7/2015, công ty H đã thi công xong và bàn giao các hạng mục theo thỏa thuận tại hợp đồng, xuất hóa đơn tài chính đầy đủ. Công ty P đã thanh toán số tiền 1.000.000.000đ và chưa thanh toán số tiền còn lại là 1.428.800.000đ do công ty mới thành lập, nguồn vốn tài chính gặp

nhiều khó khăn. Công ty P sẽ cố gắng hoàn trả cho công ty H số tiền còn nợ trong thời gian sớm nhất.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất xác định thời điểm công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 10/8/2015 đến hết ngày 02/4/2017 là 602 ngày và mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử vụ án là 13.092%/năm. Hai bên tự nguyện thỏa thuận: Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty H đến hết ngày 02/4/2017 tổng số tiền 1.737.318.000đ (gồm tiền gốc là 1.428.800.000đ; tiền lãi là 308.518.000đ); công ty P tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 03/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này với mức lãi suất 13.092%/năm.

Đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc công ty P phải thanh toán một lần tại phiên tòa toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi và phải chịu toàn bộ án phí. Đại diện bị đơn đề nghị được trả nợ làm nhiều lần và đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Căn cứ hợp đồng kinh tế số HC-5114-PRC-150701 ngày 01/7/2015; căn cứ kết quả thực hiện hợp đồng và trình bày của các bên tại phiên tòa, xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.428.800.000đ. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ tiền gốc và tiền lãi tại phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, đại diện nguyên đơn đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Đại diện bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật thương mại; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận sự thỏa thuận của công ty H và công ty P, cụ thể: Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty H tổng số tiền 1.737.318.000đ (gồm tiền gốc là 1.428.800.000đ; tiền lãi từ ngày 10/8/2015 đến ngày 03/4/2017 là 308.518.000đ). Buộc công ty P phải chịu 64.119.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đại diện bị đơn là ông Kim Jong G vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Dương T có đơn đề

ngợi Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng kinh tế số HC-5114-PRC-150701 ngày 01/7/2015, HĐXX thấy rằng: Khi tham gia ký kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của mỗi bên và phù hợp với quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[3] Về số tiền gốc: Tại Điều 3 hợp đồng số HC-5114-PRC-150701 quy định công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán như sau: “Thanh toán lần 1: 500.000.000đ trong vòng 15 ngày kể từ khi ký hợp đồng. Thanh toán lần 2: 500.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày thanh toán lần 1. Thanh toán giá trị còn lại trong vòng 7 ngày sau khi hoàn thành công việc, nhận hóa đơn tài chính hợp lệ”. Căn cứ biên bản nghiệm thu công việc, quyết toán khối lượng hoàn thành và thanh lý hợp đồng ngày 27/7/2015 cho thấy công ty H đã cung cấp các vật tư thiết bị và thi công các hạng mục công việc cho công ty P đảm bảo chất lượng và đặc điểm kỹ thuật đã thỏa thuận. Cũng tại văn bản này, hai bên xác định giá trị hợp đồng và tổng giá trị quyết toán là 2.428.800.000đ; cam kết công ty P sẽ thanh toán số tiền theo tổng giá trị quyết toán và theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Đại diện hai công ty xác nhận công ty P đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 1, lần 2 với tổng số tiền là 1.000.000.000đ và chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 3 với số tiền 1.428.800.000đ. Các bên không thỏa thuận về việc tạm ngừng thanh toán và không thuộc trường hợp tạm ngừng thanh toán quy định tại Điều 51 Luật thương mại. Vì vậy xác định số tiền gốc công ty P chưa thanh toán cho công ty H là 1.428.800.000đ.

[4] Về thời gian chậm thanh toán: Đại diện công ty H trình bày gửi hóa đơn cho công ty P thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh trong ngày 27/7/2015 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh công ty P đã nhận được hóa đơn trong ngày 27/7/2015. Nay đại diện công ty H tự nguyện tính lại thời gian gửi hóa đơn cho công ty P theo dịch vụ gửi bưu điện thông thường và xác định thời điểm công ty P bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán lần 3 từ ngày 10/8/2015. Xét đại diện hai công ty đều xác định công ty H đã xuất hóa đơn tài chính trong ngày 27/7/2015 và công ty P đã nhận được hóa đơn. Vì vậy đại diện công ty H xác định thời gian gửi, nhận hóa đơn là 7 ngày cộng với thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần 3 là 7 ngày theo thỏa thuận, tổng bằng 14 ngày kể từ ngày 27/7/2015 để xác định thời điểm công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/8/2015 là tự nguyện, phù hợp thực tế và được đại diện công ty P nhất trí.

Như vậy thời gian công ty P chậm thanh toán từ ngày 10/8/2015 đến hết ngày 02/4/2017 là **602 ngày**.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thanh toán: Xét hai công ty không thỏa thuận về mức lãi suất do chậm thanh toán tại các biên bản đã ký kết nên số tiền lãi và mức lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại, cụ thể: «... bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...». Nhận thấy các đương sự đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và có thỏa thuận thời hạn thanh toán lần 3 là 7 ngày sau khi hoàn thành công việc và nhận hóa đơn tài chính. Vì vậy cần áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với khoản cho vay ngắn hạn thông thường đối với doanh nghiệp tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C, Hải Dương (*Agribank C*), ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh H (*Vietcombank H*) và ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh H (*Vietinbank H*) để tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các ngân hàng trên cung cấp lãi suất như sau: Lãi suất nợ quá hạn của Agribank C bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (từ 8.5% đến 9%/năm) nên HĐXX tính mức lãi suất nợ quá hạn của Agribank C = $150\% \times \{(8.5\%/năm + 9\%/năm) : 2\} = 13.125\%/năm$. Lãi suất nợ quá hạn của Vietcombank H bằng 140% lãi suất cho vay trong hạn (8.5%/năm) = $140\% \times 8.5\%/năm = 11.9\%/năm$. Lãi suất nợ quá hạn của Vietinbank H bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (9.5%/năm) = $150\% \times 9.5\% = 14.25\%/năm$. Từ đó xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường = (Lãi suất nợ quá hạn của Agribank C + Lãi suất nợ quá hạn của Vietcombank H + Lãi suất nợ quá hạn của Vietinbank H) : 3 = $(13.125\%/năm + 11.9\%/năm + 14.25\%/năm) : 3 = 13.092\%/năm$ (làm tròn số). Vì vậy đại diện hai công ty thống nhất xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử vụ án là 13.092%/năm là có căn cứ và phù hợp.

[6] Số tiền lãi từ ngày 10/8/2015 đến hết ngày 02/4/2017 = $\{(1.428.800.000đ \times 13.092\%) : 365 \text{ ngày}\} \times 602 \text{ ngày} = 308.518.000đ$ (làm tròn số).

[7] Tại phiên tòa, đại diện hai công ty thống nhất thỏa thuận: Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty H đến hết ngày 02/4/2017 tổng số tiền 1.737.318.000đ (gồm tiền gốc là 1.428.800.000đ; tiền lãi là 308.518.000đ) và công ty P tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán từ ngày 03/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này với mức lãi suất 13.092%/năm. Xét thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện; phù hợp thực tế và phù hợp

các quy định của pháp luật như đã phân tích ở trên. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các bên.

[8] Đại diện hai công ty chưa thống nhất được về phương thức thanh toán, cụ thể: Đại diện nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị được thanh toán một lần tại phiên tòa toàn bộ tiền gốc và tiền lãi; đại diện bị đơn đề nghị được tạo điều kiện về thời gian thanh toán và đề nghị được thanh toán làm nhiều lần vì công ty đang gặp khó khăn về tài chính. Xét đề nghị của đại diện hai công ty không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và sẽ được xem xét theo các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Công ty H yêu cầu thanh toán tiền gốc, tiền lãi được công ty P chấp nhận. Công ty P có nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 121, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 34, Điều 50, Điều 85, Điều 306 Luật thương mại; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử: Công nhận sự thỏa thuận của công ty TNHH H và công ty TNHH P. Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Công ty TNHH P có nghĩa vụ thanh toán cho công ty TNHH H tổng số tiền tính đến hết ngày 02/4/2017 là **1.737.318.000đ** (*một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu ba trăm mười tám nghìn đồng*). Trong đó bao gồm: Tiền gốc là 1.428.800.000đ; tiền lãi là 308.518.000đ.

- Công ty TNHH P tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán từ ngày 03/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc này với mức lãi suất 13.092%/năm.

2. Về án phí: Buộc công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 64.119.000đ.

Hoàn trả công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.394.000đ theo biên lai số AB/2014/0001703 ngày 19/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Quách Thị Phương Thúy